

UBND TỈNH KIÊN GIANG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**BAN CHỈ ĐẠO**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
**CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG**

Số 39 /BC-BCĐ

Kiên Giang, ngày 05 tháng 3 năm 2020

**BÁO CÁO**

**Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững  
năm 2019 và kế hoạch thực hiện năm 2020**

Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh (Ban Chỉ đạo tỉnh) báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo năm 2019; phương hướng nhiệm vụ năm 2020 như sau:

**I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH**

HĐND, UBND tỉnh luôn quan tâm chỉ đạo thực hiện công tác giảm nghèo, ban hành nghị quyết, quyết định, kế hoạch và các văn bản chỉ đạo thực hiện công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh. Cụ thể như sau:

- Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành: Nghị quyết số 225/2019/NQ-HĐND ngày 26/7/2019 về việc hỗ trợ 30% mức đóng bảo hiểm y tế (BHYT) từ ngân sách tỉnh đối với người thuộc hộ nghèo đa chiều thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản khác (không thiếu hụt BHYT) trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Nghị quyết số 232/2019/NQ-HĐND ngày 26/7/2019 về việc hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

- UBND tỉnh đã ban hành: Quyết định số 1148/QĐ-UBND ngày 20/5/2019 của phân bổ chi tiết kế hoạch vốn nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2019 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 2917/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 về việc phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo và hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều năm 2019 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 1784/QĐ-UBND ngày 07/8/2019 về việc quy định bổ sung chấm điểm 02 đặc điểm “đất đai” và “chăn nuôi” trong Phiếu B rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo khu vực thành thị; Quyết định số 2916/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 về việc phê duyệt danh sách xây dựng nhà ở người có công với cách mạng, người nghèo năm 2019 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Kế hoạch số 124/KH-UBND ngày 09/8/2019 về rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều, hộ có mức sống trung bình năm 2019 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Kế hoạch số 170/KH-UBND ngày 18/12/2019 hỗ trợ quà Tết cho hộ nghèo nhân dịp Tết Nguyên đán Canh Tý năm 2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Báo cáo số 50/BC-UBND ngày 09/4/2019 báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018 và phương hướng



nhiệm vụ năm 2019; Báo cáo số 295/BC-UBND ngày 13/9/2019 đánh giá kết quả triển khai thực hiện các chương trình tín dụng chính sách xã hội góp phần thực hiện chương mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020,...

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

### **1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu giảm nghèo:**

Kết quả rà soát, hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2019:

- Tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh là 2,69%, giảm 1,45% so với năm 2018 (chỉ tiêu kế hoạch đề ra giảm từ 1-1,5%/năm). Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc: 4,7%, giảm 2,25% so với năm 2018.

- Tỷ lệ hộ cận nghèo: 4,59%, giảm 0,09%. Tỷ lệ hộ cận nghèo dân tộc: 7,23%, giảm 0,05% so với năm 2018.

- Tỷ lệ hộ nghèo tại các xã đặc biệt khó khăn: 6.01%, giảm 5,49% so với năm 2018.

### **2. Kết quả thực hiện các chính sách giảm nghèo:**

2.1. Hỗ trợ vốn, dạy nghề, tạo việc làm:

2.1.1. Hỗ trợ vốn:

Tính đến tháng 12/2019, có 5.371 lượt hộ nghèo được vay vốn, doanh số cho vay 148.316 triệu đồng, dư nợ đạt 557.168 triệu đồng với 29.427 hộ còn dư nợ; 3.813 lượt hộ cận nghèo được vay vốn, doanh số cho vay 109.648 triệu đồng, dư nợ đạt 352.912 triệu đồng với 15.290 hộ còn dư nợ; 6.914 lượt hộ mới thoát nghèo được vay vốn, doanh số cho vay 214.968 triệu đồng, dư nợ đạt 587.573 triệu đồng, với 23.370 hộ còn dư nợ; 1.361 lượt hộ gia đình khó khăn vay vốn cho học sinh sinh viên, doanh số cho vay 44.442 triệu đồng, dư nợ đạt 400.658 triệu đồng với 14.583 hộ còn dư nợ.

2.1.2. Giáo dục nghề nghiệp:

- Toàn tỉnh dạy nghề lao động nông thôn 8.549 người (trong đó: 437 người thuộc hộ nghèo, 483 người thuộc hộ cận nghèo, 1.895 người dân tộc thiểu số, 39 người khuyết tật, 196 người thuộc hộ chính sách người có công với cách mạng, 5.499 người thuộc diện khác).

- Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo được 26.226 người. Trong đó: Dân tộc Khmer là: 2.709 người (trình độ cao đẳng: 44 người; trung cấp: 428 người; sơ cấp: 432 người và thường xuyên: 1.635 người).

2.1.3. Tạo việc làm:

- Giải quyết việc làm cho 36.642 lượt người, đạt 104,69% so với kế hoạch, trong đó giải quyết việc làm trong tỉnh 18.357 người, ngoài tỉnh 18.125 lượt người, xuất khẩu lao động 160 người; trong đó giải quyết việc làm mới 16.802 người.

- Thực hiện giải ngân 179.457 triệu đồng thuộc nguồn vốn Quỹ quốc gia giải quyết việc làm cho 1.564 dự án, tạo việc làm cho 1.564 người.

## 2.2. Chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ giáo dục cho người nghèo:

### 2.2.1. Chăm sóc sức khỏe:

Năm 2019, tỉnh đã cấp 48.252 thẻ BHYT cho người nghèo, 53.760 thẻ BHYT cho người cận nghèo, 86.848 thẻ BHYT cho người dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn xã khó khăn, 166.190 thẻ BHYT cho người dân trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn, 104.954 thẻ BHYT cho người dân tại các xã đảo, 4.019 thẻ BHYT cho hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp có mức sống trung bình. Giúp người dân có điều kiện chăm sóc sức khỏe, khám và điều trị bệnh.

### 2.2.2. Hỗ trợ giáo dục:

#### \* Học phí:

- Năm học 2018-2019, thực hiện miễn, giảm học phí theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ cho 17.432 học sinh, với tổng kinh phí miễn giảm là 8.368 triệu đồng trong đó miễn 100% học phí cho 10.555 học sinh số tiền: 7.124 triệu đồng; giảm 70% học phí cho 1.765 học sinh với số tiền 277 triệu đồng và giảm 50% học phí cho 5.112 học sinh với số tiền 967 triệu đồng.

- Học kỳ I năm học 2019-2020, thực hiện miễn, giảm học phí theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ cho 17.114 học sinh, với tổng kinh phí miễn giảm là 5.055 triệu đồng trong đó miễn 100% học phí cho 11.013 học sinh số tiền: 3.458 triệu; giảm 70% học phí cho 1.839 học sinh với số tiền 339 triệu đồng và giảm 50% học phí cho 4.262 học sinh với số tiền 1.258 triệu đồng

#### \* Hỗ trợ gạo:

- Năm học 2018-2019: 4.135 học sinh với số tiền: 2.955 triệu đồng, trong đó: Học kỳ 1 năm học 2018-2019: Đối tượng 1.986 học sinh với số tiền: 1.517 triệu đồng. Học kỳ 2 năm học 2018-2019: Đối tượng 2.149 học sinh với số tiền: 1.438 triệu đồng.

- Học kỳ 1 năm học 2019-2020: 2.622 học sinh (196.650kg gạo) với số tiền: 1.713 triệu đồng.

## 2.3. Hỗ trợ nhà ở cho người nghèo:

Thực hiện Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 12/4/2019 của UBND tỉnh Kiên Giang về hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Đã thực hiện 580/600 hộ; đạt 96,67% kế hoạch. Giải ngân: 17.400/18.075 triệu đồng; đạt 96,26% kế hoạch.

Ngoài ra, vận động tài trợ an sinh xã hội từ các ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam; Ngân hàng TMCP Công Thương Việt

Nam; Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam hỗ trợ 98 căn nhà cho gia đình có công với cách mạng, người nghèo, kinh phí hỗ trợ là 4.780 triệu đồng.

#### 2.4. Trợ giúp pháp lý cho người nghèo:

Thực hiện trợ giúp pháp lý 294 vụ, tổng số lượt người được trợ giúp pháp lý là 294 lượt người (trong đó: 20 lượt người có công cách mạng, 64 lượt người thuộc hộ nghèo, 50 lượt người dân tộc thiểu số, 21 lượt người thuộc hộ cận nghèo).

#### 2.5. Hỗ trợ tiền điện:

Thực hiện hỗ trợ tiền điện 20.868 hộ với kinh phí 12.270 triệu đồng; trong đó, gồm: 15.128 hộ nghèo thu nhập, kinh phí 8.895 triệu đồng; 2.679 hộ có thành viên đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng không thuộc diện hộ nghèo theo quy định và có lượng điện sử dụng cho mục đích sinh hoạt không quá 50KWh/tháng ở vùng có lưới điện, kinh phí 1.575 triệu đồng; 817 hộ có thành viên hưởng trợ cấp xã hội ở vùng chưa có lưới điện, kinh phí 480 triệu đồng; 2.244 hộ dân tộc thiểu số ở vùng chưa có lưới điện, kinh phí 1.319 triệu đồng.

2.6. Phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các đoàn thể và các tổ chức quần chúng, tổ chức xã hội:

- Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Ban vận động Quỹ "Vì người nghèo" và các chương trình an sinh xã hội toàn tỉnh đã vận động trên 490.000 triệu đồng. Trong đó, Quỹ vì người nghèo các cấp trong tỉnh là 41.450 triệu đồng; xây dựng 56 căn nhà tình nghĩa trị giá 3.360 triệu đồng, triển khai làm 33,4 km đường giao thông nông thôn, trị giá 14.300 triệu đồng, xây dựng và sửa chữa 178 cầu giao thông nông thôn, trị giá 63.800 triệu đồng, trao 105.979 suất quà hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách, khó khăn, trị giá 45.600 triệu đồng.

- Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh chủ động hiệp thương với các tổ chức chính trị - xã hội vận động đóng góp vào Quỹ "Vì người nghèo" các cấp được 671 căn, trị giá 1.006,5 triệu đồng để triển khai xây dựng nhà.

Ngoài ra, Liên đoàn Lao động tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Tỉnh đoàn Kiên Giang, Hội Nông dân tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh đã tham gia tích cực trong các giải pháp trợ giúp cho hộ nghèo phù hợp với tình hình sản xuất và đời sống của đoàn viên, hội viên thuộc tổ chức của mình từ tỉnh đến cơ sở.

### **3. Kết quả thực hiện các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020:**

#### 3.1. Dự án 1: Chương trình 30a:

3.1.1. Tiểu Dự án 2: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển:

- Tổng kinh phí phân bổ trong năm 2019 là 22.069 triệu đồng (NSTW: 20.581 triệu đồng; NSDP: 1.488 triệu đồng).

- Kết quả:

+ Vốn đầu tư phát triển: Các huyện đã hoàn thành xây dựng 40/45 công trình, đạt 88,8% kế hoạch; giải ngân 20.277/22.069 triệu đồng, đạt 91,88%.

+ Vốn duy tu bảo dưỡng: Các huyện đã duy tu, bảo dưỡng 16/16 công trình, đạt 100% kế hoạch; giải ngân 1.060/1.107 triệu đồng, đạt 95%.

3.1.2. Tiểu Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển.

- Tổng kinh phí phân bổ trong năm 2019 là 4.800 triệu đồng (NSTW).

- Kết quả:

+ Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế: Các huyện đã triển khai thực hiện 26/26 dự án hỗ trợ cho 224 hộ; giải ngân 2.400/2.400 triệu đồng, đạt 100%.

+ Nhân rộng mô hình giảm nghèo: Các huyện đã triển khai thực hiện 19/23 dự án, hỗ trợ cho 213 hộ, giải ngân 2.200/2.400 triệu đồng, đạt 91,6%.

3.1.3. Tiểu Dự án 4: Hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào DTTS đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài:

- Kinh phí phân bổ là 500 triệu đồng (NSTW).

- Kết quả: Các huyện triển khai thực hiện hỗ trợ cho 2/35 lao động, giải ngân 30/500 triệu đồng, đạt 6%.

3.2. Dự án 2: Chương trình 135.

3.2.1. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng.

- Tổng kinh phí phân bổ là 16.004 triệu đồng (NSTW: 15.254 triệu đồng; NSDP: 750 triệu đồng.).

- Kết quả:

+ Vốn đầu tư phát triển: Các huyện đã xây dựng 50/52 công trình, đạt 96 % kế hoạch; giải ngân 13.402/16.004 triệu đồng, đạt 83,7%.

+ Vốn duy tu bảo dưỡng: Các huyện đã duy tu bảo dưỡng 07/07 công trình, đạt 100% kế hoạch; giải ngân 961/961 triệu đồng, đạt 100 % kế hoạch.

3.2.2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ Phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo.

- Tổng kinh phí phân bổ là 4.041 triệu đồng (NSTW: 3.166 triệu đồng, NSDP: 874 triệu đồng).

- Kết quả:

+ Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế: Các huyện đã triển khai thực hiện 10/15 dự án, hỗ trợ cho 141/327 hộ; giải ngân 1.774/2.841 triệu đồng, đạt 62,44% kế hoạch.

+ Nhân rộng mô hình giảm nghèo: Các huyện đã triển khai thực hiện 04/06 dự án, hỗ trợ cho 94/114 hộ; giải ngân 1.000/1.200 triệu đồng, đạt 83,3% kế hoạch.

3.2.3. Tiểu dự án 3: Nâng cao năng lực cho cán bộ cơ sở và cộng đồng.

Tổ chức 04 lớp đào tạo nâng cao năng lực cho trên 400 cán bộ cơ sở và cộng đồng; tổ chức 01 cuộc tham quan học tập kinh nghiệm mô hình cho 25 đại biểu cộng đồng và cán bộ cơ sở tại 03 tỉnh: An Giang, Hậu Giang và Trà Vinh. Giải ngân 432/432 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch.

3.3. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo tại các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135.

- Tổng kinh phí phân bổ: là 3.038 triệu đồng (NSTW: 1.631 triệu đồng, NS tỉnh 1.407 triệu đồng).

- Kết quả:

+ Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế: Các huyện đã triển khai thực hiện 04/08 dự án, hỗ trợ cho 80/159 hộ, giải ngân 570/1.519 triệu đồng, đạt 37,5% kế hoạch.

+ Nhân rộng mô hình giảm nghèo: Các huyện đã triển khai thực hiện 04/09 dự án, hỗ trợ cho 75/153 hộ, giải ngân 760/1.519 triệu đồng, đạt 50% kế hoạch.

3.4. Dự án 4: Truyền thông và Giảm nghèo về thông tin.

- Kinh phí phân bổ là 2.384 triệu đồng (NSTW). Trong đó: Truyền thông về giảm nghèo: 884/874 triệu đồng; Giảm nghèo về thông tin là 1.500/1.500 triệu đồng.

- Kết quả:

+ Truyền thông về giảm nghèo: Tỉnh tổ chức 03 cuộc đối thoại trực tiếp với người nghèo về các chính sách giảm nghèo tại 03 huyện (An Biên, Giồng Riềng, Giang Thành). Các huyện xây dựng 14 cụm pa nô tuyên truyền giảm nghèo tại 06 xã đặc biệt khó khăn bãi ngang ven biển thuộc 03 huyện (An Biên, An Minh, Hòn Đất) và 08 xã thuộc 04 huyện (Giang Thành, Giồng Riềng, U Minh Thượng, Gò Quao). Các xã đặc biệt khó khăn tổ chức 15 cuộc đối thoại hộ nghèo tại xã.

+ Giảm nghèo về thông tin: Tổ chức 07 lớp tập huấn cho cán bộ huyện, xã, ấp làm công tác thông tin và truyền thông ở cơ sở tại 07 huyện với hơn 1.000 người đại diện lãnh đạo các ban, ngành, đoàn thể huyện; Thường trực UBND, Văn phòng UBND, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể xã, cán bộ văn hóa, cán bộ truyền thanh và Trưởng ấp, khu phố. Nội dung tập trung tuyên truyền trật tự an toàn giao thông; các biện pháp phòng, chống dịch tả lợn



Châu Phi, phòng, chống bệnh sốt xuất huyết, tay chân miệng,... Hỗ trợ cho 15 Đài Truyền thanh huyện, thành phố mỗi đài 15 triệu xây dựng chương trình tuyên truyền giảm nghèo thông tin. Biên soạn 4.000 tài liệu tuyên truyền về lĩnh vực thông tin và truyền thông. Hỗ trợ 35 loa di động, 70 loa phóng thanh phục vụ công tác tuyên truyền cho 35 xã thuộc các huyện: Giang Thành (05 xã); Kiên Hải (04 xã), Giồng Riềng (10 xã), An Minh (06 xã), Vĩnh Thuận (08 xã), Phú Quốc (02 xã). Đầu tư 04 cụm pa nô tuyên truyền cố định tại huyện An Minh, An Biên và Vĩnh Thuận; đầu tư thiết bị truyền thanh xã: 08 cụm loa theo công nghệ mới cho xã Phong Đông, huyện Vĩnh Thuận; Đài Phát thanh và Truyền hình KG; Thông tấn xã Việt Nam xây dựng nội dung tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh cơ sở của tỉnh.

3.5. Dự án 5: Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá thực hiện Chương trình.

- Tổng kinh phí phân bổ: 585 triệu đồng (NSTW).

- + Tỉnh đã tổ chức 01 hội nghị triển khai kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020 cho 45 người là lãnh đạo UBND, lãnh đạo và chuyên viên Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội các huyện, thành phố.

- + Các huyện, thành phố tổ chức 15 cuộc giám sát việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo trên địa bàn. Các xã tổ chức 38 cuộc giám sát tại xã.

**4. Khối lượng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo:**

- Nguồn vốn đầu tư phát triển:

- + Khối lượng thực hiện: 90/97 công trình; đạt 92,78% kế hoạch.

- + Giải ngân kinh phí: 34.786/38.073 triệu đồng; đạt 91,36% kế hoạch.

- Nguồn vốn sự nghiệp:

- + Khối lượng thực hiện: 89/110 dự án; đạt 80,9% kế hoạch.

- + Giải ngân kinh phí: 13.571/17.260 triệu đồng; đạt 78,62% kế hoạch.

### **III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ**

#### **1. Thuận lợi:**

- Công tác giảm nghèo được các ngành, các cấp quan tâm triển khai thực hiện. Cơ sở hạ tầng thiết yếu tại các xã, ấp đặc biệt khó khăn, Chương trình 135 và xã đặc biệt khó khăn bãi ngang ven biển được Trung ương và các đoàn thể chính trị xã hội, các tổ chức xã hội vận động hỗ trợ đầu tư xây dựng phục vụ sản xuất và dân sinh; tạo được sự chuyển biến phát triển về nhiều mặt tại các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, góp phần giúp người nghèo biết được quyền lợi, trách nhiệm của mình để vươn lên thoát nghèo.

- Việc tăng cường tổ chức các cuộc đối thoại chính sách giảm nghèo đã giúp người nghèo hiểu được các chủ trương của Đảng, chính sách và pháp

luật của Nhà nước. Qua đó, thực hiện có hiệu quả các chính sách, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo.

- Nhận thức của một bộ phận người nghèo từng bước được nâng lên, tự giác chấp hành các chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về công tác giảm nghèo, thay đổi tập quán, tư duy trong sản xuất và trong đời sống,

- Các ngành, các cấp thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các chính sách, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo; qua đó phát hiện và hướng dẫn kịp thời những khó khăn vướng mắc trong tổ chức thực hiện.

## **2. Khó khăn, hạn chế:**

- Sự phối hợp giữa các sở, ban, ngành và địa phương từng lúc chưa chặt chẽ trong triển khai thực hiện các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo; kết quả thực hiện các mô hình, dự án chưa đạt kế hoạch.

- Công tác giám sát, đánh giá thực hiện các chính sách, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo chưa thực hiện thường xuyên.

- Công tác tổng hợp, báo cáo của một số huyện, thành phố chưa được thực hiện kịp thời và đầy đủ. Từ đó, hạn chế trong việc tổng hợp báo cáo cho Ban Chỉ đạo tỉnh theo dõi và chỉ đạo kịp thời.

## **IV. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NĂM 2020**

Căn cứ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 của UBND tỉnh; Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh tập trung thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo năm 2020 như sau:

### **1. Mục đích, yêu cầu:**

- Thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo, góp phần quan trọng thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế.

- Nhằm đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện đời sống, tăng thu nhập của người dân.

- Tạo điều kiện cho hộ nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản (y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, tiếp cận thông tin).

### **2. Mục tiêu cụ thể:**

- Phần đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh bình quân từ 1% năm theo chuẩn tiếp cận đa chiều.

- Hoàn thành 100% kế hoạch vốn phân bổ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo.



### **3. Nhiệm vụ và giải pháp:**

3.1. Nâng cao tinh thần trách nhiệm Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia các cấp trong chỉ đạo thực hiện các chính sách, dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo trên địa bàn.

3.2. Tập trung thực hiện đồng bộ các chính sách, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo:

- Giải pháp tăng thu nhập: Tiếp tục cho vay vốn tín dụng ưu đãi hỗ trợ điều kiện sản xuất cho người nghèo, cận nghèo và thoát nghèo; hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo; hướng dẫn, chuyển giao khoa học-kỹ thuật, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, trợ giúp pháp lý cho người nghèo; nâng cao năng lực cán bộ làm công tác giảm nghèo, đẩy mạnh công tác truyền thông và giám sát đánh giá.

- Giải pháp hỗ trợ tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản: Tập trung hỗ trợ y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch vệ sinh môi trường, đầu tư cơ sở vật chất thông tin truyền thông và cơ sở hạ tầng thiết yếu các xã, ấp đặc biệt khó khăn.

3.3. Tăng cường công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, tại các ấp, khu phố, nhằm nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và người nghèo về các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về giảm nghèo theo chuẩn tiếp cận đa chiều; nâng cao ý thức người dân trong tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản, tự trang bị cho gia đình các phương tiện để nâng lên chất lượng cuộc sống, giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo.


3.4. Tập trung đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo, trong đó tập trung thực hiện các dự án “Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã, ấp đặc biệt khó khăn” và dự án “Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo”.

3.5. Tăng cường giám sát việc thực hiện các chính sách và dự án Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo tại các huyện.

3.6. Tích cực phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội trong vận động xây dựng Quỹ “Vì Người nghèo” để hỗ trợ xây dựng nhà đại đoàn kết cho người nghèo. Hưởng ứng phong trào “Cả nước chung tay vì người nghèo, không để ai bị bỏ lại phía sau”.

3.7. Tranh thủ các nguồn vốn từ Trung ương cấp về cho tỉnh, ngân sách tỉnh đối ứng, huy động mọi nguồn vốn trong cộng đồng và các nguồn vốn quốc tế, các tổ chức phi chính phủ để thực hiện tốt công tác giảm nghèo.

3.8. Tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2020 để làm cơ sở sơ kết đánh giá công tác giảm nghèo và đề ra các giải pháp thực hiện công tác giảm nghèo năm 2021.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo năm 2019 và kế hoạch thực hiện năm 2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. 

**Nơi nhận:**

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- TT. TU; TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP, P. VHXXH;
- Lưu: VT, tthuy (02b).



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH**  
**Đỗ Thanh Bình**

